ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04 /2018/QĐ-UBND	*Hải Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2018*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH HẢI DƯƠNG
ĐẾN Số: 467
Ngày: 29/3/2018
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Hải Dương *(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).*

Điều 2. Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng; số tiền thu được từ dịch vụ trông giữ xe là doanh thu của đơn vị. Các đơn vị cung cấp dịch vụ có

trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo quy định; thực hiện niêm yết giá, công khai thông tin về giá theo quy định của pháp luật về giá.

Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh trông giữ xe phải được cấp phép hoạt động phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018. Bãi bỏ mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô quy định tại mục 15 Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Quyết định số 4426/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2006 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định về danh mục, mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh và mục 3 Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định điều chỉnh, bổ sung mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

Đối với trường hợp trông giữ xe theo tháng, năm đã thực hiện thu theo mức thu cũ, đến hết thời hạn đã nộp tiền sẽ chuyển sang thực hiện theo mức thu quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Giao Sở Tài chính phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các cấp; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Dương Thái

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HDND tỉnh;
- Chủ tịch, các phó Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Trung tâm CNTT (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VP, Thư (80b).

PHỤ LỤC

Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 04/2018/QĐ-UBND ngày 27/3/ 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Giá dịch vụ trông giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá
1	Trông giữ xe ban ngày		
a	Tại các khu danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá		
	- Xe đạp, xe đạp điện	đồng/lượt	2.000
	- Xe máy, xe máy điện, xe xích lô	-	4.000
	- Xe ô tô dưới 8 chỗ ngồi	-	15.000
	- Xe ô tô từ 8 chỗ ngồi đến 16 chỗ ngồi	-	20.000
	- Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	-	25.000
b	Tại các khu vực khác		
	- Xe đạp, xe đạp điện	đồng/lượt	1.000
	- Xe máy, xe máy điện, xe xích lô	-	3.000
	- Xe ô tô dưới 8 chỗ ngồi và xe có trọng tải từ 1,5 tấn trở xuống	-	10.000
	- Xe ô tô từ 8 chỗ ngồi đến 16 chỗ ngồi và xe có trọng tải trên 1,5 tấn đến 8 tấn	-	12.000
	- Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi và xe có trọng tải trên 8 tấn	-	15.000
2	Mức thu trông giữ xe ban đêm bằng 1,5 lần mức thu ban ngày; mức thu trông giữ xe cả ngày lẫn đêm bằng mức thu ban ngày cộng với mức thu ban đêm.		
3	Trông giữ xe theo tháng		
a	Tại các trường học		
	- Xe đạp, xe đạp điện	đồng/xe/ tháng	10.000
	- Xe máy, xe máy điện	-	20.000
b	Tại các khu vực khác		
	- Xe đạp, xe đạp điện	đồng/xe/ tháng	25.000
	- Xe máy, xe máy điện, xe xích lô	-	75.000

	- Xe ô tô dưới 8 chỗ ngồi và xe có trọng tải từ 1,5 tấn trở xuống	-	250.000
	- Xe ô tô từ 8 chỗ ngồi đến 16 chỗ ngồi và xe có trọng tải trên 1,5 tấn đến 8 tấn	-	300.000
	- Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi và xe có trọng tải trên 8 tấn	-	375.000
4	Trông giữ xe tại các thư viện		
	- Thẻ phòng mượn	đồng/xe/ năm	70.000
	- Thẻ phòng đọc	-	90.000
5	Trông giữ xe do vi phạm luật giao thông		
	- Xe đạp, xe đạp điện	đồng/xe/1 ngày đêm	3.000
	- Xe máy, xe máy điện, xe xích lô	-	10.000
	- Xe lam và các loại xe tương tự (trừ xe tự chế)	-	40.000
	- Ô tô các loại	-	50.000

2. Giá dịch vụ trông giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, nguồn vốn hỗn hợp:

Chủ đầu tư căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính để xây dựng và quyết định mức giá dịch vụ nhưng tối đa không vượt quá 1,5 lần mức giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước quy định tại Quyết định này./.